

# Chương VII

## SỐ THẬP PHẦN

### TIẾT 86

## Bài 28. SỐ THẬP PHẦN

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết số thập phân dương, số thập phân âm, hai số thập phân đối nhau.
- So sánh được hai số thập phân đã cho.

#### 2. Phát triển năng lực

- Tự học và tự chủ: Học sinh tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; tự nhận ra được sai sót và cách khắc phục sai sót; tự giác trong các hoạt động.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: HS so sánh được hai số thập phân, viết phân số thập dưới dạng phân số và ngược lại.
- Năng lực giao tiếp toán học: HS đọc, viết đúng số thập phân.

#### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực suy nghĩ, tìm tòi, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Trung thực: Các nhóm báo cáo trung thực, đánh giá công bằng, khách quan.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của GV:** Máy chiếu kết nối ti vi, các đoạn tin, văn bản có xuất hiện số thập phân âm ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống.
2. **Chuẩn bị của HS:** Ôn lại cách chia một số tự nhiên cho 10; 100; 1000;... và cách viết một phân số thập phân (dương) dưới dạng số thập phân đã học ở Tiểu học. Xem lại khái niệm số đối của một phân số (Chương VI) và so sánh hai số nguyên (Chương III).

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

- a) **Mục tiêu:** Học sinh thấy được số thập phân rất gần gũi với thực tế cuộc sống, xuất hiện ở mọi nơi.

b) **Nội dung:** Phân mở đầu chương, Hình 7.1a, 7.1b.

c) **Sản phẩm:** HS nhận ra các số thập phân dương, âm trên các đoạn tin.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> <li>– GV chiếu và cho 3 HS lần lượt đọc các đoạn tin phần mở đầu Chương VII, Hình 7.1a, 7.1b.</li> <li>– GV giới thiệu dẫn vào bài như SGK.</li> </ul>	HS đọc, nghe các đoạn tin, nhận ra các số thập phân dương, âm trên các đoạn tin.

### Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

#### 1. Phân số thập phân và số thập phân

a) **Mục tiêu:**

- Nhận biết số thập phân dương, số thập phân âm, hai số thập phân đối nhau.
- Viết được số đối của các phân số thập phân.
- Chuyển được một số thập phân thành phân số thập phân và ngược lại.

b) **Nội dung:**

Tìm tòi – Khám phá; Đọc hiểu – Nghe hiểu, Nhận xét và Luyện tập 1 (SGK)

c) **Sản phẩm:**

– HS trả lời được:

$$\text{HD1: } \frac{17}{10} = 1,7; \frac{34}{100} = 0,34; \frac{25}{1000} = 0,025.$$

$$\text{HD2: Số đối của } \frac{17}{10} \text{ là } -\frac{17}{10}; \text{ Số đối của } \frac{34}{100} \text{ là } -\frac{34}{100}; \text{ Số đối của } \frac{25}{1000} \text{ là } -\frac{25}{1000}.$$

– HS viết được : Số thập phân âm, số thập phân dương, hai số thập phân đối nhau; xác định đúng phần nguyên và phân thập phân của một số thập phân.

– Luyện tập 1:

$$\frac{-5}{1000} = -0,005, \text{ số đối của } -0,005 \text{ là } 0,005;$$

$$-\frac{798}{10} = -79,8, \text{ số đối của } -79,8 \text{ là } 79,8.$$

$$\text{Hình 7.1b: } -4,2 = -\frac{42}{10}; -2,4 = -\frac{24}{10}.$$

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV nhắc lại cách chia một số tự nhiên cho 10; 100; 1000,...	HS nghe, quan sát, trả lời.

<p>– Nhắc lại cách tìm số đối của phân số <math>\frac{a}{b}</math>.</p> <p>– GV chiếu HĐ1, HĐ2 cho HS hoạt động cá nhân.</p> <p>Nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HS.</p> <p>– GV giới thiệu phần Đọc hiểu – Nghe hiểu: Phân số thập phân, số thập phân âm, số thập phân dương, hai số thập phân đối nhau. Cho HS lấy ví dụ minh họa cho từng đơn vị kiến thức.</p> <p>Cho các số: 2,3; –3,96 cho HS xác định phần nguyên, phần thập phân và viết các số trên dưới dạng phân số thập phân.</p> <p>Giới thiệu phần Nhận xét SGK.</p> <p>Chiếu lại Hình 7.1a, 7.1b cho HS chỉ ra số thập phân, xác định số đối.</p> <p>Cho HS làm phần Luyện tập theo cặp đôi.</p> <p>GV nhận xét, kết luận.</p>	<p>HS lấy ví dụ phân số đối nhau.</p> <p>HS thực hiện cá nhân. 2 HS lên bảng viết. HS dưới lớp nhận xét, chia sẻ, báo cáo bài làm.</p> <p>HS nghe, ghi chép, lấy ví dụ theo yêu cầu.</p> <p>HS trả lời tại chỗ, HS lớp nhận xét.</p> <p>Nghe, ghi chép.</p> <p>HS trả lời.</p> <p>HS thực hiện theo cặp đôi.</p> <p>HS báo cáo.</p>
---	---

## 2. So sánh hai số thập phân

a) **Mục tiêu:** Học sinh so sánh được hai số thập phân.

b) **Nội dung:** Phần Đọc hiểu – Nghe hiểu, Ví dụ trong SGK.

c) **Sản phẩm:**

– Số thập phân âm nhỏ hơn 0 và nhỏ hơn số thập phân dương.

– Nếu a, b là hai số thập phân dương và  $a > b$  thì  $-a < -b$ .

– Ví dụ:  $2,93 < 6,15$ ;  $-25,3 < 1,5$ ;  $-10,186 < -10,08$ .

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV cho HS nhắc lại cách so sánh hai số nguyên khác dấu; cách so sánh hai số nguyên âm.</p> <p>– GV giới thiệu phần Đọc hiểu – Nghe hiểu về so sánh hai số thập phân.</p>	<p>HS trả lời câu hỏi. Lấy ví dụ minh họa.</p> <p>HS nghe hiểu, ghi chép.</p>

<p>– Lấy ví dụ minh họa về cách so sánh hai số thập phân trong 3 trường hợp: Hai số thập phân dương, một số âm với một số dương, hai số thập phân âm.</p> <p>– Chú ý những sai lầm HS thường mắc phải:</p> $-10,186 > -10,08; 8,09 < -120; -\frac{24}{10} \neq \frac{-24}{10}.$	HS thực hiện theo hướng dẫn.
---	------------------------------

### Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để so sánh hai số thập phân, viết phân số thập phân thành số thập phân, tìm số đối.

b) **Nội dung:** Luyện tập 2; Bài tập 7.1; 7.2 trong SGK.

c) **Sản phẩm:**

Luyện tập 2: Sắp xếp:  $-8,152; -8,9; 0; 0,12$ .

Bài tập 7.1: a)  $\frac{21}{10} = 2,1; \frac{-35}{10} = -3,5; \frac{-125}{100} = -1,25; \frac{-89}{1000} = -0,089$ .

b) Các số thập phân âm là:  $-3,5; -1,25; -0,089$ .

Bài tập 7.2: Số đối của  $-1,2$  là  $1,2$ ;

Số đối của  $4,15$  là  $-4,15$ ;

Số đối của  $19,2$  là  $-19,2$ .

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Cho HS thực hiện cá nhân Luyện tập 1.</p> <p>GV nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>HS thực hiện, 1 HS lên bảng trình bày. HS dưới lớp kiểm tra bài chéo nhau và một vài em báo cáo.</p>
<p>– Chiếu bài 7.1 cho HS làm bài theo nhóm bàn.</p> <p>GV hỗ trợ nếu cần.</p> <p>Nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>HS thực hiện, đại diện nhóm lên bảng trình bày.</p> <p>Các nhóm khác nhận xét, chia sẻ.</p>
<p>– Chiếu bài 7.2, thực hiện chung cả lớp, cho HS trả lời tại chỗ.</p>	<p>HS trả lời.</p>

### Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức so sánh 2 số thập phân trả lời tình huống thực tế.

b) **Nội dung:** Đọc đoạn tin trong Hình 7.1b và cho biết trong hai thời điểm: 19 giờ ngày 24/1/2016 và 6 giờ ngày 25/1/2016, thời điểm nào nhiệt độ tại Pha Đin (Điện Biên) xuống thấp hơn.

c) **Sản phẩm:** Nhiệt độ tại Pha Đin lúc 19 giờ cao hơn lúc 6 giờ. Vì  $-2,4^{\circ}\text{C} > -4,2^{\circ}\text{C}$ .

d) **Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>
Chiếu lại Hình 7.1b. Yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi. Gợi ý: So sánh nhiệt độ trong hai thời điểm. Đánh giá nhận định câu trả lời của HS.	HS suy nghĩ, trả lời. HS lớp nhận xét, chia sẻ.

### **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)**

- Ôn lại: Cách chuyển một số thập phân thành phân số thập phân và ngược lại; cách so sánh hai số thập phân.
- Bài tập: 7.3; 7.4 SGK.
- Ôn lại cách đặt tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân đã học ở Tiểu học; các phép tính với số nguyên đã học trong Chương III.